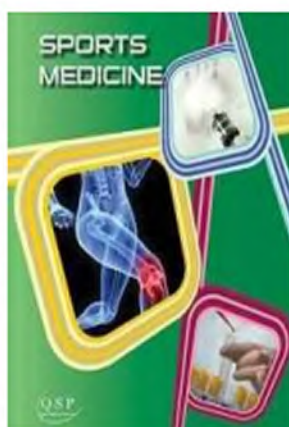


TIẾNG ANH TRONG THỂ THAO

ENGLISH IN SPORTS

Students' Book



Chủ biên : TS. TRẦN QUANG HẢI

Nhóm biên soạn : ThS. Nguyễn Thị Mỹ Nga

ThS. Đoàn Minh Hữu

GV. Tiếng Anh – Bộ môn Khoa học cơ bản

Đà Nẵng, tháng 9 năm 2012

Lời nói đầu

Trong xu thế hội nhập ngày nay, ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, đóng một vai trò hết sức quan trọng trong sự hợp tác và phát triển. Chính vì là một ngôn ngữ Quốc tế nên tiếng Anh được dạy và học ở hầu hết tất cả các trường từ bậc tiểu học cho đến đại học trên toàn quốc. Trường Đại học TDTT Đà Nẵng cũng không nằm ngoài số đó.

Trong giai đoạn hiện nay, công tác TDTT đang nhận được sự quan tâm sâu sắc của Đảng, nhà nước và toàn thể xã hội. Ngoài việc tự phát huy nội lực, ngành TDTT Việt Nam còn mở rộng giao lưu quốc tế. Việc trao đổi thông tin, cử cán bộ, HLV, VĐV đi đào tạo ở nước ngoài, mời các chuyên gia nước ngoài trực tiếp huấn luyện trong nước... đang được xúc tiến và mở rộng. Rõ ràng, để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, việc thành thạo ngoại ngữ là một yêu cầu cấp thiết với đội ngũ cán bộ trong ngành.

Là một trong những cơ sở đào tạo cán bộ TDTT chính qui, trường Đại học TDTT Đà Nẵng đã đầu tư thích hợp cho công tác giảng dạy và học tập môn tiếng Anh tại trường. Đội ngũ giáo viên tổ tiếng Anh cũng không ngừng tìm tòi những phương pháp giảng dạy phù hợp để nâng cao hơn nữa kết quả học tập của sinh viên giúp cho các em có được trình độ về ngoại ngữ đạt yêu cầu với xã hội sau khi ra trường.

Việc dạy và học tiếng Anh tại trường Đại học TDTT trong nhiều năm qua mới chỉ chú trọng đến chương trình tiếng Anh tổng quát. Sinh viên chỉ học lại các kiến thức căn bản về ngữ pháp, từ vựng liên quan đến hoạt động hàng ngày đã được học tại trường phổ thông. Chính vì lẽ đó mà chúng tôi mạnh dạn xây dựng giáo trình tiếng Anh chuyên ngành cho sinh viên ngành TDTT. Sinh viên sẽ được học 3 học phần tiếng Anh chuyên ngành (180 tiết) sau khi đã hoàn thành 120 tiết chương trình tiếng Anh tổng quát trong năm học đầu tiên.

Chúng tôi hy vọng và mong muốn rằng giáo trình này sẽ giúp trang bị cho sinh viên, HLV các thuật ngữ chuyên ngành TDTT, cụ thể là đối với các môn thể thao như môn bóng đá, bóng chuyền, ... và các lĩnh vực nghiên cứu thể thao như quản lý thể thao, tâm lý thể thao, y học thể thao, ... Sinh viên còn có cơ hội ôn lại các điểm ngữ pháp xuất hiện trong bài khóa, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu và thực hành dịch thuật. Qua đây họ thông hiểu hơn về các điều luật cũng như thể thức thi đấu. Ngoài ra họ có cơ hội để giao lưu cùng bạn bè quốc tế mà không bị rào cản về ngôn ngữ.

Giáo trình này lần đầu tiên được biên soạn chắc chắn khi biên soạn sẽ có nhiều thiếu sót. Chúng tôi rất mong các đồng nghiệp, giảng viên chuyên ngữ và các bạn sinh viên đóng góp ý kiến để cuốn giáo trình này được hoàn thiện.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo nhà trường và Bộ môn Khoa học cơ bản đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để chúng tôi hoàn thành giáo trình này.

TS. Trần Quang Hải & Cộng sự

MỤC LỤC [TABLE OF CONTENTS]

Phần I: Các môn thể thao không bóng (Part I: Kinds of sports without a ball)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 1: Gymnastics	16	Unit 2: Athletics/Track and Field	35
1. Pre-reading task	16	1. Pre-reading task	35
2. Reading text	16	2. Reading text	35
3. New words	19	3. New words	39
4. Reading comprehension	21	4. Reading comprehension	41
1. Questions	21	1. Questions	41
2. True/False	21	2. True/False	41
5. Vocabulary	22	5. Vocabulary	42
1. Gap-filling	22	1. Gap-filling	42
2. Matching	23	2. Matching	43
6. Word study: Compound Adjectives	24	6. Word study: Compound noun (Adj + N, V + V, Pre + N)	44
7. Grammar focus: Tag-question	25	7. Grammar focus: Comparatives Adjectives	46
8. Further exercises	31	8. Further exercises	51
9. Further reading	31	9. Further reading	52
10. Post-reading task	34	10. Post-reading task	54

Phần I: Các môn thể thao không bóng (Part I: Kinds of sports without a ball)

UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 3: Badminton	55	Unit 4: Swimming	72
1. Pre-reading task	55	1. Pre-reading task	72
2. Reading text	55	2. Reading text	72
3. New words	58	3. New words	76
4. Reading comprehension	60	4. Reading comprehension	78
1. Questions	60	1. Questions	78
2. True/False	60	2. True/False	79
5. Vocabulary	61	5. Vocabulary	79
1. Gap-filling	61	1. Gap-filling	79
2. Matching	62	2. Matching	80
6. Word study: Compound Adjectives	62	6. Word study: The prefixes: <i>super-</i> /<i>under-</i> /	
		<i>over-</i> / <i>sub-</i> / <i>sur-</i> / <i>dis-</i> / + N → N	81
7. Grammar focus: Superlatives Adjectives	64	7. Grammar focus: Equal comparisons	83
8. Further exercises	68	8. Further exercises	85
9. Further reading	70	9. Further reading	87
10. Post-reading task	71	10. Post-reading task	88

Phần I: Các môn thể thao không bóng (Part I: Kinds of sports without a ball)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 5: Chess	89	Unit 6: Recreational Sporting	112
1. Pre-reading task	89	1. Pre-reading task	112
2. Reading text	89	2. Reading text	112
3. New words	94	3. New words	114
4. Reading comprehension	95	4. Reading comprehension	115
1. Questions	95	1. Questions	115
2. True/False	95	2. True/False	116
5. Vocabulary	96	5. Vocabulary	116
1. Gap-filling	96	1. Gap-filling	116
2. Matching	97	2. Matching	118
6. Word study: Cardinal – Ordinal numbers	98	6. Word study: The suffixes: -ous/-ive	120
7. Grammar focus: Modals verbs	102	7. Grammar focus: Adverbs clause of time	121
8. Further exercises	109	8. Further exercises	126
9. Further reading	110	9. Further reading	126
10. Post-reading task	111	10. Post-reading task	127

Phần I: Các môn thể thao không bóng (Part I: Kinds of sports without a ball)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 7: Martial Arts	128	Unit 1: Gymnastics	16
1. Pre-reading task	128	Unit 2: Athletics/Track and Field	35
2. Reading text	128	Unit 3: Badminton	55
3. New words	130	Unit 4: Swimming	72
4. Reading comprehension	132	Unit 5: Chess	89
1. Questions	132	Unit 6: Recreational sporting	112
2. True/False	133	Unit 7: Martial arts	128
5. Vocabulary	133		
1. Gap-filling	134		
2. Matching	134		
6. Word study: The suffixes: -less/-ful	135		
7. Grammar focus: Gerund after preposition	137		
8. Further exercises	142		
9. Further reading	143		
10. Post-reading task	144		

Phần II: Các môn thể thao với quả bóng (Part II: Kinds of sports with a ball)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 1: Tennis	146	Unit 2: Table tennis	166
1. Pre-reading task	146	1. Pre-reading task	166
2. Reading text	146	2. Reading text	166
3. New words	149	3. New words	169
4. Reading comprehension	150	4. Reading comprehension	173
1. Questions	150	1. Questions	173
2. True/False	151	2. True/False	173
5. Vocabulary	152	5. Vocabulary	174
1. Gap-filling	152	1. Gap-filling	174
2. Matching	153	2. Matching	175
6. Word study: The prefixes: out- /under- / over- / dis- /mis- /re- / en-/+ V→ V	153	6. Word study: The suffix: -ness	175
7. Grammar focus: Passive voice: THE PRESENT SIMPLE and THE PRESENT CONTINUOUS	156	7. Grammar focus: Passive voice: THE PAST SIMPLE and THE PAST CONTINUOUS	177
8. Further exercises	162	8. Further exercises	179
9. Further reading	163	9. Further reading	180
10. Post-reading task	165	10. Post-reading task	181

Phần II: Các môn thể thao với quả bóng (Part II: Kinds of sports with a ball)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 3: Handball	182	Unit 4: Soccer/Football	199
1. Pre-reading task	182	1. Pre-reading task	199
2. Reading text	182	2. Reading text	199
3. New words	185	3. New words	202
4. Reading comprehension	185	4. Reading comprehension	205
1. Questions	185	1. Questions	205
2. True/False	186	2. True/False	205
5. Vocabulary	186	5. Vocabulary	206
1. Gap-filling	186	1. Gap-filling	206
2. Matching	187	2. Matching	207
6. Word study: Adverb of Manner (Adj + ly = Adv)	188	6. Word study: Compound noun (N + N)	207
7. Grammar focus: Passive voice		7. Grammar focus: Passive voice	
THE PRESENT PERFECT	191	MODAL VERBS	210
8. Further exercises	195	8. Further exercises	212
9. Further reading	197	9. Further reading	214
10. Post-reading task	198	10. Post-reading task	216

Phần II: Các môn thể thao với quả bóng (Part II: Kinds of sports with a ball)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 5: Basketball	217	Unit 6: Volleyball	239
1. Pre-reading task	217	1. Pre-reading task	239
2. Reading text	217	2. Reading text	239
3. New words	221	3. New words	243
4. Reading comprehension	223	4. Reading comprehension	245
1. Questions	223	1. Questions	245
2. True/False	223	2. True/False	246
5. Vocabulary	224	5. Vocabulary	246
1. Gap-filling	224	1. Gap-filling	246
2. Matching	224	2. Matching	247
6. Word study: The suffixes: -tion/ -ation/ -ment →		6. Word study: The negative prefixes	247
Noun	226	“ un-, im-, il-, ir-, in-”	
7. Grammar focus: Relative Pronouns and Relative		7. Grammar focus: Reduced forms of relatives	
Adverbs	227	clauses	250
8. Further exercises	233	8. Further exercises	254
9. Further reading	235	9. Further reading	254
10. Post-reading task	238	10. Post-reading task	255

Phần II: Các môn thể thao với quả bóng (Part II: Kinds of sports with a ball)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 7: Golf	257	Unit 1: Tennis	146
1. Pre-reading task	257	Unit 2: Table-Tennis	166
2. Reading text	257	Unit 3: Handball	182
3. New words	259	Unit 4: Soccer/Football	199
4. Reading comprehension	261	Unit 5: Basketball	217
1. Questions	261	Unit 6: Volleyball	239
2. True/False	261	Unit 7: Golf	257
5. Vocabulary	262		
1. Gap-filling	262		
2. Matching	263		
6. Word study: The suffixes: -al/ -able	264		
7. Grammar focus: Infinitive of purpose			
“in order to + inf, so as to + inf,....”	266		
8. Further exercises	270		
9. Further reading	272		
10. Post-reading task	273		

Phần III: Các lĩnh vực nghiên cứu thể thao (Part III: Fields of sports studies)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 1: History of sports	275	Unit 2: Sports coaching	296
1. Pre-reading task	275	1. Pre-reading task	296
2. Reading text	275	2. Reading text	296
3. New words	279	3. New words	299
4. Reading comprehension	281	4. Reading comprehension	301
1. Questions	281	1. Questions	301
2. True/False	282	2. True/False	301
5. Vocabulary	283	5. Vocabulary	302
1. Gap-filling	283	1. Gap-filling	302
2. Matching	284	2. Matching	303
6. Word study: The feminine forms of nouns	285	6. Word study: The suffixes: -ity/-ce → Noun	303
7. Grammar focus: Coordinating conjunction	287	7. Grammar focus: Subordinating conjunction	306
8. Further exercises	293	8. Further exercises	313
9. Further reading	293	9. Further reading	315
10. Post-reading task	295	10. Post-reading task	316

Phần III: Các lĩnh vực nghiên cứu thể thao (Part III: Fields of sports studies)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 3: Sports Medicine	317	Unit 4: Sports Management	338
1. Pre-reading task	317	1. Pre-reading task	338
2. Reading text	317	2. Reading text	338
3. New words	320	3. New words	341
4. Reading comprehension	322	4. Reading comprehension	343
1. Questions	322	1. Questions	343
2. True/False	323	2. True/False	343
5. Vocabulary	323	5. Vocabulary	344
1. Gap-filling	323	1. Gap-filling	344
2. Matching	324	2. Matching	345
6. Word study: The suffixes: -ar/-or/-er → Noun	325	6. Word study: The suffixes: -ly → Adverb	346
7. Grammar focus: Correlative conjunction	328	7. Grammar focus: Structures with “so”, “such”	348
8. Further exercises	334	8. Further exercises	355
9. Further reading	336	9. Further reading	356
10. Post-reading task	337	10. Post-reading task	357

Phần III: Các lĩnh vực nghiên cứu thể thao (Part III: Fields of sports studies)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 5: Sports Culture	358	Unit 6: Sports Economy	376
1. Pre-reading task	358	1. Pre-reading task	376
2. Reading text	358	2. Reading text	376
3. New words	361	3. New words	379
4. Reading comprehension	363	4. Reading comprehension	380
1. Questions	363	1. Questions	380
2. True/False	364	2. True/False	381
5. Vocabulary	364	5. Vocabulary	382
1. Gap-filling	364	1. Gap-filling	382
2. Matching	365	2. Matching	383
6. Word study: The suffixes: -hood → Noun	366	6. Word study: Decimals and Fractions	384
7. Grammar focus: Indirect Speech	367	7. Grammar focus: If Clause	387
8. Further exercises	372	8. Further exercises	392
9. Further reading	373	9. Further reading	393
10. Post-reading task	375	10. Post-reading task	394

Phần III: Các lĩnh vực nghiên cứu thể thao (Part III: Fields of sports studies)			
UNITS	PAGE	UNITS	PAGE
Unit 7: Sports Psychology	395	Unit 1: History of sports	275
1. Pre-reading task	395	Unit 2: Sports Coaching	296
2. Reading text	385	Unit 3: Sports Medicine	317
3. New words	399	Unit 4: Sports Management	338
4. Reading comprehension	401	Unit 5: Sports Culture	358
1. Questions	401	Unit 6: Sports Economy	376
2. True/False	402	Unit 7: Sports Psychology	395
5. Vocabulary	402		
1. Gap-filling	402		
2. Matching	403		
6. Word study: The prefix: self- → N, V, Adj	404		
7. Grammar focus: Clause after WISH, IF ONLY	406		
8. Further exercises	408		
9. Further reading	409		
10. Post-reading task	411		
TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)			412

PART I: KINDS OF SPORTS WITHOUT A BALL





Unit 1: GYMNASTICS

I. Pre-reading task

1. Can you match the names of the sport events to the pictures below?

- A. uneven bars B. balance beam C. floor exercise
D. still rings E. high bar F. pommel horse



1.....



2.....



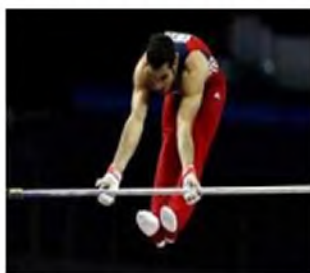
3.....



4.....



5.....



6.....

2. Do you think that Gymnastics is the sport of beauty and danger? Why?

II. Reading text



Gymnastics is a sport involving the performance of exercises requiring physical strength, flexibility, agility, coordination, and balance. Gymnastics evolved from exercises used by the ancient Greeks that included skills for mounting and dismounting a horse and

from circus performance skills.

Internationally, all of the gymnastic sports are governed by the Fédération Internationale de Gymnastique (FIG). Each country has its own national governing body affiliated to FIG.

Competitive Artistic gymnastics is the best known of the gymnastic sports. It typically involves the women's events of uneven bars, balance beam, floor exercise, and vault. Men's events are floor exercise, pommel horse, still rings, vault, parallel bars, and high bar.



Participants can include children as young as two years old doing children's gymnastics, recreational gymnasts of ages 5 and up, competitive gymnasts at varying levels of skill and world class athletes.

History



Exercises of the ancient Greeks began with athletic feats performed by each individual according to his own notion. The youth were encouraged to combine amusement with exercise. In time, this kind of exercise was incorporated into a system that figured prominently in the state regulations for education. In fact, the period for exercise or gymnastics was equal to the time spent on art and music combined. All Greek cities had a *gymnasium*, a courtyard for jumping, running, and wrestling. In 393 AD the Emperor Theodosius abolished the Olympic Games, which by then had become corrupt and gymnastics, along with other sports, declined. For centuries, gymnastics was all

but forgotten. In the year 1569, Girolamo Mercuriale from Forlì (Italy) wrote *Le Arte Gymnastica*, that brought together his study of the attitudes of the ancients toward diet, exercise and hygiene, and the use of natural methods for the cure of disease. In the late eighteenth and early nineteenth century Germany, three pioneer physical educators – Johann Friedrich GutsMuths (1759–1839) and Friedrich Ludwig Jahn (1778–1852) – created exercises for boys and young men on apparatus they had designed that ultimately led to what is considered modern gymnastics.

By the end of the nineteenth century, men's gymnastics competition was popular enough to be included in the first "modern" Olympic Games in 1896. From then on until the early 1950s, both national and international competitions involved a changing variety of exercises gathered under the rubric, *gymnastics*, that would seem strange to today's audiences and that included for example, *synchronized team floor calisthenics, rope climbing, high jumping, running, horizontal ladder*.



Artistic gymnastics



Artistic gymnastics is usually divided into Men's and Women's Gymnastics. Typically men compete on six events: Floor Exercise, Pommel Horse, Still Rings, Vault, Parallel Bars, and High Bar, while women compete on four: Vault, Uneven Bars, Balance Beam, and Floor Exercise. In some countries, women at one time competed on

the rings, high bar, and parallel bars (for example, in the 1950s in the USSR). Though routines performed on each event may be short, they are physically exhausting and push the gymnast's strength, flexibility, endurance and awareness to the limit.

In 2006, FIG introduced a new points system for Artistic gymnastics in which scores are no longer limited to 10 points. The system is used in the US for elite level competition. Unlike the old code of points, there are two separate scores. An execution score and a difficulty score. In the previous system, the "execution score" was the only score. It was and still is out of 10.00. During the gymnast's performance, the judges deduct from this score only. A fall, on or off the event, is a 1.00 deduction, in elite level gymnastics. The introduction of the difficulty score is a significant change. The gymnast's difficulty score is based on what elements they perform and is subject to change if they do not perform or complete all the skills, or they do not connect a skill meant to be connected to another. Connection bonuses are the most common deduction from a difficulty score, as it can be difficult to connect multiple flight elements. It is very hard to connect skills if the first skill is not performed correctly. The new code of points allows the gymnasts to gain higher scores based on the difficulty of the skills they perform as well as their execution.

III. New words

- gymnastics (n): môn thể dục
- involve (v): bao gồm, liên quan
- performance (n): sự biểu diễn, sự thể hiện
- physical (adj): liên quan đến cơ thể, vật lý, vật chất
- strength (n): sức mạnh
- flexibility (n): sự mềm dẻo, uyển chuyển, linh hoạt, linh động

- agility (n): sự nhanh nhẹn
- coordination (n): sự phối hợp
- balance (n): sự thăng bằng
- evolve (v): suy ra, tiến triển
- mount (v): trèo lên, cưỡi
- dismount (v): xuống
- horse (n): con ngựa
- circus (n): rạp xiếc
- affiliate (v): nhập, liên kết
- uneven (adj): không bằng phẳng, không đều, lệch
- bar (n): thanh, xà, thỏi
- beam (n): thanh thăng bằng
- vault (n): mái vòm, khung vòm để nhảy qua
- Pommel horse (n): ngựa gỗ tay quay
- ring (n): vòng
- parallel (adj): song song, tương đương, ngang hàng
- participant (n): người tham gia
- recreational (adj): có tính tiêu khiển
- competitive (adj): có tính ganh đua
- feat (n): kỳ công, kỳ tích, sự điều luyện
- gymnast (n): huấn luyện viên thể dục, chuyên viên thể dục
- vary (v): thay đổi, làm cho khác
- athlete (n): vận động viên
- exhausting (adj): làm cho mệt lử, kiệt sức
- endurance (n): sức bền, sức chịu đựng
- awareness (n): sự nhận thức
- no longer (idiom): không còn... nữa